

Số: 07 /2017/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã; số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 271/2010/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 271/2010/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng cán bộ và công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)

1. Số lượng cán bộ (sau đây gọi là cán bộ chuyên trách):

Mỗi xã, phường, thị trấn loại 1 (gọi chung là xã loại 1) được bố trí 11 cán bộ chuyên trách; Mỗi xã, phường, thị trấn loại 2, loại 3 (gọi chung là xã loại 2, loại 3) được bố trí 10 cán bộ chuyên trách, như sau:

a) Bí thư Đảng ủy;

b) Phó Bí thư Đảng ủy;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

đ) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đối với xã loại 1 bố trí 02 (hai) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; đối với xã loại 2, loại 03 bố trí 01 (một) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân);

e) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

g) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

h) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

i) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;

k) Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh Việt Nam;

2. Thực hiện bố trí kiêm nhiệm:

a) Chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân do Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm (không bố trí Chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách).

b) Ở những xã, phường, thị trấn nơi Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân được bố trí 02 Phó Bí thư Đảng ủy, trong đó có 01 Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng, 01 Phó Bí thư kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

3. Số lượng công chức cấp xã:

a) Xã, phường, thị trấn loại 1 được bố trí 14 công chức chuyên môn, gồm:

- 02 Tài chính - Kế toán;

- 02 Tư pháp - Hộ tịch;

- 03 Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã);

- 03 Văn phòng - Thống kê;

- 02 Văn hóa - Xã hội;

- 01 Trường Công an;

- 01 Chỉ huy trưởng Quân sự;

b) Xã, phường, thị trấn loại 2 được bố trí 13 công chức chuyên môn, gồm:

- 02 Tài chính - Kế toán;

- 02 Tư pháp - Hộ tịch;
- 02 Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã);
- 02 Văn phòng - Thống kê;
- 02 Văn hóa - Xã hội;
- 01 Trưởng Công an;
- 01 Chỉ huy trưởng Quân sự;
- 01 công chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) bố trí vào các chức danh công chức nêu trên (trừ chức danh Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự) phù hợp với nhu cầu thực tế của xã, phường, thị trấn.

c) Xã, phường, thị trấn loại 3 được bố trí 11 công chức chuyên môn, gồm:

- 01 Tài chính - Kế toán;
- 01 Tư pháp - Hộ tịch;
- 02 Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã);
- 02 Văn phòng - Thống kê;
- 02 Văn hóa - Xã hội;
- 01 Trưởng Công an;
- 01 Chỉ huy trưởng Quân sự;
- 01 công chức do Chủ tịch UBND cấp huyện bố trí vào các chức danh công chức nêu trên (trừ chức danh Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự) phù hợp với nhu cầu thực tế của xã, phường, thị trấn.

d) Những phường không có hoạt động sản xuất nông nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam thì không bố trí chức danh Chủ tịch Hội Nông dân. Định biên này được bố trí thêm 01 công chức Tư pháp - Hộ tịch.

4. Chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn, đánh giá, phân loại, xử lý kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ chuyên trách và công chức thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Đối với những chức danh được bố trí từ 02 đến 03 công chức, như: Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã), Văn phòng - Thống kê, Văn hóa - Xã hội giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ năng lực, sở trường, chuyên môn của từng công chức và các quy định của pháp luật hiện hành để phân công cụ thể, bảo đảm tất cả các lĩnh vực công tác ở địa phương đều có công chức đảm nhiệm.

Đối với xã loại 2 và xã loại 3 không có cán bộ phụ trách Thể dục thể thao, cán bộ phụ trách Xóa đói giảm nghèo và Trẻ em, nên chức danh công chức Văn hóa - Xã hội được bố trí như sau:

- 01 công chức Văn hóa - Xã hội phụ trách lĩnh vực Văn hóa - Thông tin - Thể dục thể thao.

- 01 công chức Văn hóa - Xã hội phụ trách lĩnh vực Lao động - Thương binh - Xã hội và Trẻ em.

5. Số lượng cán bộ, công chức quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã.

6. Chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

- Xã, phường, thị trấn loại 1 được bố trí 21 người.
- Xã, phường, thị trấn loại 2 được bố trí 19 người.
- Xã, phường, thị trấn loại 3 được bố trí 18 người.

Bố trí cụ thể:

STT	Chức danh xã loại 1	Số cán bộ	Chức danh xã loại 2	Số cán bộ	Chức danh xã loại 3	Số cán bộ
1	Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy	1	Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy	1	Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy	1
2	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra	1	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra	1	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra	1
3	Trưởng ban Tuyên giáo Đảng ủy	1	Trưởng ban Tuyên giáo Đảng ủy	1	Trưởng ban Tuyên giáo Đảng ủy	1
4	Cán bộ văn phòng Đảng ủy	1	Cán bộ văn phòng Đảng ủy	1	Cán bộ văn phòng Đảng ủy	1
5	Cán bộ Dân vận	1	Cán bộ Dân vận	1	Cán bộ Dân vận	1
6	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1
7	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1		
8	Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ	1	Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ	1	Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ	1
9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1
10	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1
11	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1
12	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1
13	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1

14	Phó Trưởng Công an	1	Phó Trưởng Công an	1	Phó Trưởng Công an	1
15	Phó Trưởng Công an	1	Phó Trưởng Công an	1		
16	Phó Chỉ huy trưởng Quân Sự	1	Phó Chỉ huy trưởng Quân Sự	1	Phó Chỉ huy trưởng Quân Sự	1
17	Phó Chỉ huy trưởng Quân Sự	1	Phó Chỉ huy trưởng Quân Sự	1		
18	Cán bộ Văn thư, Lưu trữ, Thủ quỹ	1	Cán bộ Văn thư, Lưu trữ, Thủ quỹ	1	Cán bộ Văn thư, Lưu trữ, Thủ quỹ	1
19	Cán bộ Đài Truyền thanh	1	Cán bộ Đài Truyền thanh	1	Cán bộ Đài Truyền thanh	1
20	Cán bộ Thể dục thể thao	1				
21	Cán bộ Xóa đói giảm nghèo - Trẻ em	1				

- Chức danh Phó Trưởng Công an chỉ bố trí ở những nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy.

- Đối với xã loại 3:

+ Trường hợp là xã trọng điểm được bố trí 02 Phó Trưởng Công an và 02 Phó Chỉ huy trưởng Quân sự.

+ Trường hợp không là xã trọng điểm bố trí 01 Phó Trưởng Công an, 01 Phó Chỉ huy trưởng Quân sự và được bố trí thêm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, 01 cán bộ hỗ trợ Tư pháp.

2. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố:

Mỗi ấp, khu phố được bố trí 03 chức danh:

- 01 Bí thư chi bộ ấp, khu phố kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận.

- 01 Trưởng ấp, khu phố.

- 01 Phó Trưởng ấp, khu phố.

3. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nếu có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn chức danh công chức được ưu tiên tuyển dụng làm công chức cấp xã khi có nhu cầu.

4. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ấp, khu phố quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hưởng phụ cấp hàng tháng và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, cụ thể:

a) Mức phụ cấp của mỗi chức danh bằng 1,0 so với hệ số mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.

b) Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành khác có liên quan.

5. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh:

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nếu kiêm nhiệm chức danh khác mà giảm được 01 người trong số lượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì ngoài phụ cấp hàng tháng được hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp hiện hưởng. Mỗi người chỉ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm của 01 chức danh (kể cả việc kiêm nhiệm nhiều chức danh). Khi thôi làm nhiệm vụ kiêm nhiệm thì thôi hưởng phụ cấp kể từ tháng sau liền kề với tháng thôi giữ chức danh kiêm nhiệm.

Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

6. Trợ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách:

Ngoài mức phụ cấp quy định tại khoản 4 Điều này, hàng tháng những người hoạt động không chuyên trách được hưởng thêm khoản trợ cấp từ ngân sách của tỉnh như sau:

- Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Trưởng ban Tuyên giáo Đảng ủy: hưởng trợ cấp bằng hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở.

- Phó Trưởng Công an, Phó Chỉ huy trưởng Quân sự: hưởng trợ cấp bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: hưởng trợ cấp bằng hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở.

- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Cán bộ Văn phòng Đảng ủy, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Chủ tịch Hội Người cao tuổi: hưởng trợ cấp bằng hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở.

- Cán bộ Văn thư - Lưu trữ - thủ quỹ, cán bộ Dân vận, cán bộ Đài Truyền thanh, Bí thư chi bộ ấp, Trưởng ấp, khu phố: hưởng trợ cấp bằng hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở.

Các mức trợ cấp nêu trên không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

7. Trợ cấp thôi việc:

a) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố dôi dư do thực hiện Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 mà không được bố trí lại được hưởng trợ cấp một lần, mức hưởng mỗi năm công tác bằng 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng.

b) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố sau một thời gian công tác nếu có đơn tự nguyện xin thôi việc và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì được hưởng trợ cấp một lần, mức hưởng mỗi năm công tác bằng 0,5 tháng phụ cấp hiện hưởng.

c) Những người hoạt động không chuyên trách tự ý bỏ việc không được hưởng khoản trợ cấp này.

8. Người đang hưởng chế độ hưu trí, nghỉ mất sức nếu tiếp tục tham gia công tác ở cơ sở, được bầu cử hoặc phân công giữ các chức danh những người

hoạt động không chuyên trách cấp xã hàng tháng được hưởng mức phụ cấp theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này; không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Khi nghỉ việc không được hưởng khoản trợ cấp nêu tại khoản 7 Điều này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố nêu trên được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

10. Nguồn kinh phí để thực hiện: Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ấp, khu phố do ngân sách đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trong việc tuyển dụng, quản lý, sắp xếp, đánh giá, bố trí; chuyển xếp lương, phụ cấp; giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ấp, khu phố đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2017 và thay thế Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã; số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Giao Giám đốc Sở Nội vụ phối hợp với thủ trưởng các sở, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh có liên quan và Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- VPCP; BNV;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- BTC TU, UBMĐTQVN;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT.

2/3/18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hoàng